| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Bảo Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Xuân Niêm

2. Ông Hoàng Văn Vương

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn:* Anh Lê Hoàng G, sinh năm 1982, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022, chị Trần Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh G tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/4/2017. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và hiện tại đã sống ly thân. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 12/11/2015, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Chị yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án chị L có đơn xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng G. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh G có địa chỉ tại ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 09/12/2022, chị L có đơn yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/4/2017. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị L yêu cầu ly hôn với anh G. Xét thấy, yêu cầu của chị L là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và hiện tại đã sống ly thân. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh G vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng G được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 12/11/2015 (giới tính nữ), hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị L là có cơ sở. Bởi vì, cháu Y là nữ và đang do chị L nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, cháu Y trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với chị L. Anh G cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Y cho chị L nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị L yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì, cháu Ý chưa đủ 18 tuổi và hiện chị L nuôi dạy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được pháp luật quy định. Vì vậy, cần buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ bản với số tiền 745.000 đồng/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng), kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Anh G phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định chị và anh G tự thỏa thuận về tài sản chung. Đối với nợ chung là không có, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lê Hoàng G phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Hoàng G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Như Y, sinh ngày 12/11/2015 (giới tính nữ) cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dạy. Anh Lê Hoàng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Anh G không trực tiếp nuôi dạy cháu Y nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

3. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị L, trường hợp anh G chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng thì anh G phải chịu tiền lãi theo định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 chị L có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003152 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Hoàng G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Thới Bình;*
*- Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
*- TAND tỉnh Cà Mau;*
*- UBND xã Khánh Bình Đông;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bảo Trâm**